

I. Ngữ âm (1.0 điểm)

* Chọn 1 từ có phần gạch dưới được phát âm khác với phần gạch dưới của các từ còn lại trong mỗi câu sau (0.5 điểm)

1. A. instead B. already C. teammate D. spread (NB)
 2. A. design B. included C. arrival D. recognize (TH)

* Chọn 1 từ có trọng âm chính ở vị trí khác với vị trí các từ còn lại trong mỗi câu sau. (0.5 điểm)

3. A. waterfall B. heritage C. buffalo D. recycle (NB)
 4. A. perform B. contest C. luggage D. patient (NB)

II. Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hay D) để hoàn thành mỗi câu sau. (2.5 điểm)

1. Would you mind if I _____ your bike? (NB)
 A. borrow B. borrowed C. borrowing D. to borrow
2. It's really hard _____ that people might live on the moon in the future. (NB)
 A. to believe B. believe C. believing D. believes
3. If a patient can't walk, he/she can use _____ to move around. (TH)
 A. an eye chart B. a stretcher C. a wheelchair D. a scale
4. He tried to do homework every day in order _____ the final exam. (TH)
 A. to fail B. not fail C. didn't fail D. not to fail
5. Farmers use vegetable matter and animal dung to make _____. (TH)
 A. waste B. paper C. garbage D. compost
6. The Christmas cards _____ by the students are cheap and beautiful. (VD)
 A. designed B. designing C. are designed D. are designing
7. **Ba:** "Oh! You have a bad cut. Shall I get you some sterile dressing?" (TH)
Nga: "_____."
- A. That's very kind of you B. Yes, certainly
 C. I'm afraid not. D. I'm sorry. I can't
8. An English-speaking contest _____ at our school next week. (TH)
 A. was held B. will be held C. will hold D. is held
9. Lan's mother gets upset because she _____ games with her smart phone. (VD)
 A. always play B. is always playing C. always is playing D. playing always
10. Lan _____ dinner with her family when her aunt came. (TH)

A. ate

B. was eating

C. eats

D. will eat

III. Đọc hiểu (3,5 điểm)

A. Đọc đoạn văn, chọn từ trong khung để điền vào chỗ trống trong đoạn văn (1.5 điểm)

<i>historic</i>	<i>with</i>	<i>tourists</i>	<i>food</i>	<i>museums</i>	<i>famous</i>
-----------------	-------------	-----------------	-------------	----------------	---------------

London is Britain's biggest city. It is a very old city and dates back to the Romans. It is a city of (1)_____ buildings and churches, and it has many beautiful parks. It also has some of the best (2)_____ in the world. London is very crowded in summer. It is a popular city (3)_____ foreign tourists, and has more than eight million visitors a year. The city is (4)_____ for its shopping and department stores. London has an excellent underground railway system, so it is easy for (5)_____ to get around. In London, there are plenty of good restaurants where you can get excellent British (6)_____. The city also has lots of good indian, Chinese, Japanese, French, Italian and Greek restaurants.

B. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi dưới đây (2.0 điểm)

Vietnam's New Year is celebrated according to the Lunar calendar. It is officially known as Tet Nguyen Dan, or Tet. It occurs between January twenty-first and February nineteenth. Vietnamese people usually make preparations for the holiday several weeks beforehand. They tidy their houses, cook special food and make offerings. On the New Year's Eve, people sit up to midnight to see the New Year in, then they put on new clothes and give one another this greetings of the season. The first three days are the most important. Vietnamese people believe that how people act during those days will influence the whole year.

1. When does the Vietnam's New Year occur? (NB)

.....

2. What do people do to prepare for the holiday? (NB)

.....

3. Why do people sit up to midnight? (NB)

.....

4. Are the first three days of the festival believed to be very important? (NB)

.....

IV. Viết (3.0 điểm)

*** Đặt câu hỏi cho cụm từ được gạch dưới (0.5 điểm)**

1. They will be in the town for three nights. (TH)

=>

2. Her father was doing gardening when the mailman came. (TH)

=>

*** Sắp xếp các từ bị xáo trộn thành câu có nghĩa (1.0 điểm)**

3. Andrew / hard / to / win / the / is / first prize / in / the English-speaking / so / wants / he/ training / contest, / very / now. // (VD)

=>

4. Mr. Green/ up/ on time. / the meeting / early / so as / to/ got / get / to// (TH)

=>

*** Hoàn thành câu thứ 2 sao cho nghĩa không thay đổi với câu thứ nhất (1.5 điểm)**

5. Dr. Kim will make a new time machine next year. (TH)

=> A new time.....

6. Can you decorate the Christmas tree for me? (TH)

=> Would you mind..... ?

7. My brother started studying English when he was in grade 3. (TH)

=> My brother has

I.

1. C 2. B 3. D 4. A

II.

1. B 2. A 3. C 4. D 5. D
6. A 7. A 8. B 9. B 10. B

III.

A.

1. historic 2. museums 3. with 4. Famous 5. food

B.

1. The Vietnam's New Year occurs between January twenty-first and February nineteenth.
2. People tidy their houses, cook special food and make offerings.
3. People sit up to midnight to see the New Year in.
4. Yes, they are.

IV.

1. How long will they be in the town?
2. What was her father doing when the mailman came?
3. Andrew wants to win the first prize in the English-speaking contest, so he is training very hard now.
4. Mr. Green got up early so as to get to the meeting on time.
5. will be made by Dr. Kim next time
6. decorating the Christmas tree for me
7. studied English since he was in grade 3

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I.

1. C

Kiến thức: Cách phát âm [ea]

Giải chi tiết:

instead /ɪn'sted/

already /ɔ:l'redi/

teammate /'ti:mmeɪt/

spread /spred/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm là /i:/, các phương án còn lại được phát âm là /e/.

Đáp án: C

2. B

Kiến thức: Cách phát âm [ea]

Giải chi tiết:

design /dɪ'zaɪn/

included /ɪn'klu:dɪd/

arrival /ə'reɪvəl/

recognize /'rekəgnaɪz/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm là /ɪ/, các phương án còn lại được phát âm là /aɪ/.

Đáp án: B

3. D

Kiến thức: Trọng âm từ có 3 âm tiết

Giải chi tiết:

waterfall /'wɔ:təfɔ:l/

heritage /'herɪtɪdʒ/

buffalo /'bʌfələʊ/

recycle /,ri:'saɪkl/

Phương án D có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Đáp án: D

4. A

Kiến thức: Trọng âm từ có 2 âm tiết

Giải chi tiết:

perform /pə'fɔ:m/

contest /'kɒntest/

luggage /'lʌgɪdʒ/

patient /'peɪʃnt/

Phương án A có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Đáp án: A

II.

1. B

Kiến thức: Cấu trúc với “mind”

Giải chi tiết:

Ta có cấu trúc: Would you mind if I + Ved/V2 (quá khứ đơn)?

Would you mind if I **borrowed** your bike?

Tạm dịch: Bạn có phiền nếu tôi mượn xe đạp của bạn không?

Đáp án: B

2. A

Kiến thức: Dạng của động từ “to V/ V-ing”

Giải chi tiết:

Ta có cấu trúc: It + be + adj + to V(nguyên thể)

It's really hard **to believe** that people might live on the moon in the future.

Tạm dịch: Thật khó tin rằng trong tương lai con người có thể sống trên mặt trăng.

Đáp án: A

3. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải chi tiết:

an eye chart: bảng kiểm tra thị lực

a stretcher: cái cáng

a wheelchair: xe lăn

a scale: cái cân

If a patient can't walk, he/she can use **a wheelchair** to move around.

Tạm dịch: Nếu bệnh nhân không thể đi lại được, người đó có thể dùng xe lăn để di chuyển xung quanh.

Đáp án: C

4. D

Kiến thức: Cụm từ chỉ mục đích

Giải chi tiết:

Ta có cụm từ chỉ mục đích: in order (not) to: để mà (không)

He tried to do homework every day in order **not to fail** the final exam.

Tạm dịch: Anh ấy cố gắng làm bài tập về nhà để không trượt kỳ thi cuối kỳ.

Đáp án: D

5. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải chi tiết:

waste (n): chất thải, rác

paper (n): giấy

garbage (n): rác

compost (n): phân trộn/ phân hữu cơ

Farmers use vegetable matter and animal dung to make **compost**.

Tạm dịch: Nông dân sử dụng thực vật và phân động vật để làm phân trộn.

Đáp án: D

6. A

Kiến thức: Rút gọn mệnh đề quan hệ

Giải chi tiết:

Dấu hiệu nhận biết động từ bị động: by the students

Động từ bị động được rút gọn về dạng: Ved/PP

The Christmas cards **designed** by the students are cheap and beautiful.

Tạm dịch: Thiệp mừng Giáng sinh được thiết kế bởi các em học sinh rất đẹp và không đắt tiền.

Đáp án: A

7. A

Kiến thức: Ngôn ngữ giao tiếp

Giải chi tiết:

A. Bạn thật tốt bụng.

B. Vâng, chắc chắn rồi.

C. Mình e rằng không.

D. Mình xin lỗi. Mình không thể.

Ba: "Oh! You have a bad cut. Shall I get you some sterile dressing?"

Nga: "**That's very kind of you.**"

Tạm dịch: Ba: "Ôi, vết cắt của bạn sâu quá. Mình mua băng vô trùng cho bạn nhé?" – Nga: "Bạn thật tốt bụng."

Đáp án: A

8. B

Kiến thức: Câu bị động thì tương lai đơn

Giải chi tiết:

Dấu hiệu nhận biết thì tương lai đơn: next week (tuần tới)

Cấu trúc bị động thì tương lai đơn: S + will be Ved/PP (+by O)

An English-speaking contest **will be held** at our school next week.

Tạm dịch: Cuộc thi nói tiếng Anh sẽ được tổ chức tại trường của chúng ta vào tuần sau.

Đáp án: B

9. B

Kiến thức: Câu bị động thì tương lai đơn

Giải chi tiết:

Thì hiện tại tiếp diễn với trạng từ “always” dùng để chỉ thói quen xấu lặp đi lặp lại ở hiện tại làm người khác khó chịu.

Cấu trúc: S + be + always + V-ing

Lan's mother gets upset because she **is always playing** games with her smart phone.

Tạm dịch: Mẹ của Lan buồn vì cô ấy luôn chơi trò chơi điện tử trên điện thoại.

Đáp án: B

10. B

Kiến thức: Thì quá khứ tiếp diễn

Giải chi tiết:

Thì quá khứ tiếp diễn dùng để diễn động đang xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ thì có hành động khác xen vào (thì quá khứ đơn).

Cấu trúc: S1 + was/were V-ing + WHEN + S2 + Ved/V2 (quá khứ đơn)

Lan **was eating** dinner with her family when her aunt came.

Tạm dịch: Lan đang ăn tối với gia đình thì dì của bạn ấy đến.

Đáp án: B

III.

A.

1. historic

Kiến thức: Từ vựng – từ loại

Giải chi tiết:

Trước danh từ “buildings” cần tính từ.

historic (a): có tính lịch sử

It is a very old city and dates back to the Romans. It is a city of (1) **historic** buildings and churches, and it has many beautiful parks.

Tạm dịch: Đây là một thành phố rất cổ và có từ thời La Mã. Nó là một thành phố của các tòa nhà và nhà thờ lịch sử, và nó có nhiều công viên đẹp.

Đáp án: historic

2. museums

Kiến thức: Từ vựng – từ loại

Giải chi tiết:

Sau so sánh nhất “the best” cần danh từ.

museums (n): bảo tàng

It also has some of the best (2) **museums** in the world.

Tạm dịch: Nó cũng có một số bảo tàng đẹp nhất trên thế giới.

Đáp án: museums

3. with

Kiến thức: Từ vựng – giới từ

Giải chi tiết:

Ta có cấu trúc: popular with (phổ biến với)

It is a popular city (3) **with** foreign tourists, and has more than eight million visitors a year.

Tạm dịch: Đây là một thành phố nổi tiếng với khách du lịch nước ngoài, và có hơn tám triệu du khách mỗi năm.

Đáp án: with

4. famous

Kiến thức: Từ vựng

Giải chi tiết:

Ta có: S + be + adj

famous for (a): nổi tiếng về (cái gì)

The city is (4) **famous** for its shopping and department stores.

Tạm dịch: Thành phố này nổi tiếng với các khu mua sắm và cửa hàng bách hóa.

Đáp án: famous

5. tourists

Kiến thức: Từ vựng

Giải chi tiết:

Sau giới từ “for” cần danh từ.

tourists (n): du khách

London has an excellent underground railway system, so it is easy for (5) **tourists** to get around.

Tạm dịch: London có hệ thống đường sắt ngầm tuyệt vời nên khách du lịch có thể đi lại dễ dàng.

Đáp án: tourists

6. food

Kiến thức: Từ vựng – từ loại

Giải chi tiết:

Sau tính từ “British” cần danh từ.

food (n): thức ăn, món ăn

In London, there are plenty of good restaurants where you can get excellent British (6) **food**.

Tạm dịch: Ở London, có rất nhiều nhà hàng ngon, nơi bạn có thể thưởng thức những món ăn ngon của Anh.

Đáp án: food

Bài đọc hoàn chỉnh:

London is Britain's biggest city. It is a very old city and dates back to the Romans. It is a city of (1) **historic** buildings and churches, and it has many beautiful parks. It also has some of the best (2) **museums** in the world. London is very crowded in summer. It is a popular city (3) **with** foreign tourists, and has more than eight million visitors a year. The city is (4) **famous** for its shopping and department stores. London has an excellent underground railway system, so it is easy for (5) **tourists** to get around. In London, there are plenty of good restaurants where you can get excellent British (6) **food**. The city also has lots of good Indian, Chinese, Japanese, French, Italian and Greek restaurants.

Tạm dịch bài đọc:

London là thành phố lớn nhất của Anh. Đây là một thành phố rất cổ và có từ thời La Mã. Nó là một thành phố của các tòa nhà và nhà thờ lịch sử, và nó có nhiều công viên đẹp. Nó cũng có một số bảo tàng đẹp nhất trên thế giới. London rất đông đúc vào mùa hè. Đây là một thành phố nổi tiếng với khách du lịch nước ngoài, và có hơn tám triệu du khách mỗi năm. Thành phố này nổi tiếng với các khu mua sắm và cửa hàng bách hóa. London có hệ thống đường sắt ngầm tuyệt vời nên khách du lịch có thể đi lại dễ dàng. Ở London, có rất nhiều nhà hàng ngon, nơi bạn có thể thưởng thức những món ăn ngon của Anh. Thành phố cũng có rất nhiều nhà hàng Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Ý và Hy Lạp.

B.

1. The Vietnam's New Year occurs between January twenty-first and February nineteenth.

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Giải chi tiết:

When does the Vietnam's New Year occur?

(Tết Nguyên Đán diễn ra khi nào?)

Thông tin từ bài đọc: It occurs between January twenty-first and February nineteenth.

Tạm dịch: Nó diễn ra từ ngày 21 tháng Giêng đến ngày 19 tháng Hai.

Đáp án: The Vietnam's New Year occurs between January twenty-first and February nineteenth.

2. People tidy their houses, cook special food and make offerings.

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Giải chi tiết:

What do people do to prepare for the holiday?

(Mọi người làm gì để chuẩn bị cho kỳ lễ này?)

Thông tin từ bài đọc: They tidy their houses, cook special food and make offerings.

Tạm dịch: Họ dọn dẹp nhà cửa, nấu những món ăn đặc biệt và cúng dường.

Đáp án: People tidy their houses, cook special food and make offerings.

3. People sit up to midnight to see the New Year in.

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Giải chi tiết:

Why do people sit up to midnight?

(Tại sao mọi người ngồi đợi đến nửa đêm?)

Thông tin từ bài đọc: On the New Year's Eve, people sit up to midnight to see the New Year in, then they put on new clothes and give one another this greetings of the season.

Tạm dịch: Vào đêm giao thừa, mọi người ngồi đến nửa đêm để đón giao thừa, sau đó họ mặc quần áo mới và trao cho nhau lời chúc mừng.

Đáp án: People sit up to midnight to see the New Year in.

4. Yes, they are.

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Giải chi tiết:

Are the first three days of the festival believed to be very important?

(Ba ngày đầu tiên của năm mới được tin rằng rất quan trọng đúng không?)

Thông tin từ bài đọc: The first three days are the most important. Vietnamese people believe that how people act during those days will influence the whole year.

Tạm dịch: Ba ngày đầu tiên là quan trọng nhất. Người Việt Nam tin rằng hành động của mọi người trong những ngày đó sẽ ảnh hưởng đến cả năm.

Đáp án: Yes, they are.

Tạm dịch bài đọc:

Năm mới của Việt Nam được tổ chức theo Âm lịch. Nó được chính thức gọi là Tết Nguyên Đán, hay Tết. Nó diễn ra từ ngày 21 tháng Giêng đến ngày 19 tháng Hai. Người Việt Nam thường chuẩn bị cho kỳ nghỉ trước đó vài tuần. Họ dọn dẹp nhà cửa, nấu những món ăn đặc biệt và cúng dường. Vào đêm giao thừa, mọi người ngồi đến nửa đêm để đón giao thừa, sau đó họ mặc quần áo mới và trao cho nhau lời chúc mừng. Ba ngày đầu tiên là quan trọng nhất. Người Việt Nam tin rằng hành động của mọi người trong những ngày đó sẽ ảnh hưởng đến cả năm.

IV.

1. How long will they be in the town?

Kiến thức: Wh-questions

Giải chi tiết:

Phần được gạch dưới: for three days (khoảng 3 ngày) => dùng từ để hỏi về khoảng thời gian: how long

Cấu trúc câu hỏi thì tương lai đơn: How long + will + S + V?

Tạm dịch: Họ sẽ ở lại thị trấn khoảng 3 ngày.

=> *Họ sẽ ở lại thị trấn trong bao lâu?*

Đáp án: How long will they be in the town?

2. What was her father doing when the mailman came?

Kiến thức: Wh-questions

Giải chi tiết:

Phần được gạch dưới: was doing gardening (đang làm vườn) => dùng từ để hỏi hành động đang làm cái gì: what...do...

Cấu trúc câu hỏi thì quá khứ tiếp diễn: What + was/were + S + V-ing?

Tạm dịch: Bố của cô ấy sẽ đang làm vườn khi người đưa thư đến.

=> *Khi người đưa thư đến bố cô ấy đang làm gì?*

Đáp án: What was her father doing when the mailman came?

3. Andrew wants to win the first prize in the English-speaking contest, so he is training very hard now.

Kiến thức: Từ vựng

Giải chi tiết:

Tạm dịch: Andrew muốn giành được giải nhất trong cuộc thi nói tiếng Anh, vì vậy bây giờ anh ấy đang tập luyện rất chăm chỉ.

Đáp án: Andrew wants to win the first prize in the English-speaking contest, so he is training very hard now.

4. Mr. Green got up early so as to get to the meeting on time.

Kiến thức: Từ vựng

Giải chi tiết:

Tạm dịch: Ông Green thức dậy sớm để đến cuộc họp đúng giờ.

Đáp án: Mr. Green got up early so as to get to the meeting on time.

5. will be made by Dr. Kim next time

Kiến thức: Câu bị động thì tương lai đơn

Giải chi tiết:

Cấu trúc câu bị động thì tương lai đơn: S + will be Ved/PP (+ by O)

Tạm dịch: Tiến sĩ Kim sẽ chế tạo cỗ máy thời gian mới vào năm tới.

= *Năm tới cỗ máy thời gian mới sẽ được chế tạo bởi tiến sĩ Kim.*

Đáp án: will be made by Dr. Kim next time

6. decorating the Christmas tree for me

Kiến thức: Cấu trúc mời/ đề nghị

Giải chi tiết:

Ta có cấu trúc câu mời: Can you + V...?

= Would you mind +V-ing...?: Bạn có thể...?

Tạm dịch: Bạn có thể trang trí cây thông Giáng sinh giúp mình được không?

Đáp án: decorating the Christmas tree for me

7. studied English since he was in grade 3

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành

Giải chi tiết:

Ta có cấu trúc liên hệ thì quá khứ đơn – hiện tại hoàn thành:

S1 + started V-ing... + when + S2 + V2/Ved (quá khứ đơn)

= S1 + have/has Ved/PP + since + S2 + V2/Ved (quá khứ đơn)

Tạm dịch: Anh trai tôi bắt đầu học tiếng Anh khi mới học lớp 3.

= Anh trai tôi đã học tiếng Anh kể từ khi mới học lớp 3.

Đáp án: studied English since he was in grade 3